

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời; hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 146, 147, 148, 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 9669/TTr-CAT-CSGT ngày 05 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024 áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm:

a) Khoản 4 Điều 44 về thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời;

b) Khoản 5 Điều 44 về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị.

2. Những nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các văn bản có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên

quan đến hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời, hoạt động vận tải đường bộ trên các tuyến đường đô thị thuộc địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Quyết định này không áp dụng đối với xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, bão, lũ, phục vụ thu dọn vệ sinh đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời

1. Xe vệ sinh môi trường lưu thông trong đô thị trong khoảng thời gian từ 19 giờ 00 phút ngày hôm trước đến 06 giờ 00 phút ngày hôm sau.

2. Đối với xe ô tô chở vật liệu xây dựng rời, xe ô tô chở phế thải để vận chuyển trong đô thị không được hoạt động vào các khung giờ cao điểm hằng ngày (buổi sáng từ 06 giờ 00 phút đến 07 giờ 30 phút, buổi chiều từ 16 giờ 30 phút đến 18 giờ 00 phút).

Điều 4. Yêu cầu đối với đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện hoạt động vận tải trong đô thị

1. Đối với đơn vị kinh doanh vận tải thuộc đối tượng cấp Giấy phép kinh doanh vận tải phải có Giấy phép kinh doanh vận tải theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện và quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 và các quy định khác có liên quan.

3. Phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải phải được Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu, phù hiệu theo quy định của Bộ Giao thông vận tải phù hợp với loại hình kinh doanh vận tải phương tiện đó đang hoạt động; phù hiệu phải còn giá trị theo thời hạn và không đang trong thời gian bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng theo quy định.

Điều 5. Hoạt động vận tải trong đô thị

1. Hoạt động vận tải hành khách phải đúng tuyến đường đô thị, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng xe, đỗ xe đúng nơi quy định. Trường hợp tuyến đường cấm ô tô khách hoạt động thì đơn vị vận tải phải chủ động đề xuất với Sở Giao thông vận tải để có phương án điều chỉnh lộ trình cho phù hợp.

2. Việc dừng, đón, trả khách du lịch tại các bến xe, khu du lịch, điểm du lịch... thì thực hiện theo quy định của tổ chức, đơn vị quản lý bến xe, khu du lịch, điểm du lịch đó.

3. Hành khách được vận chuyển theo hợp đồng phải tập trung tại vị trí nhất định trong khi chờ xe đón khách; các điểm dừng, đỗ, đón, trả khách phải bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, đúng vị trí được phép dừng, đỗ xe và phải được ghi trong hợp đồng vận chuyển khách.

4. Xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách, xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hàng hóa hoạt động kinh doanh vận tải không chở hàng hóa công kênh, quá tải trọng, không chở quá số người cho phép chở trên xe, không gây cản trở, mất an toàn giao thông khi tham gia giao thông.

5. Hoạt động vận tải trong đô thị phải tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong trường hợp tạm thời cấm phương tiện hoạt động trên tuyến đường có lộ trình đi qua để phục vụ mục đích khác.

Điều 6. Hoạt động vận tải phục vụ vệ sinh môi trường và xe ô tô chở phế thải rời, xe ô tô chở vật liệu xây dựng cho các công trường xây dựng trong đô thị

1. Phương tiện, thiết bị chuyên dùng để thu gom vận chuyển chất thải, phế thải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Là xe ô tô chuyên dùng, xe thu gom, vận chuyển phế thải, xe tải có thùng kín và xe trang bị bạt phủ;

b) Bồn xe hoặc thùng xe có trang bị van khóa, đảm bảo không gây rò rỉ chất thải trong quá trình vận chuyển;

c) Có đầy đủ thiết bị và biện pháp kỹ thuật vệ sinh xe tại địa điểm thu gom, tại cơ sở trong thời gian lưu giữ và tại địa điểm xử lý sau khi vận chuyển đến địa điểm xử lý tập trung.

2. Xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời

a) Phải được che phủ kín, không để rơi vãi trên đường phố;

b) Trường hợp để rơi, vãi vật liệu xây dựng, phế thải rời xuống đường thì đơn vị vận tải và người lái xe phải có trách nhiệm khắc phục, thu dọn ngay và có những biện pháp báo hiệu, ngăn chặn không để xảy ra tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường.

Điều 7. Thời gian và phạm vi hoạt động cụ thể cho một số loại xe trong đô thị

1. Ô tô đưa đón cán bộ, nhân viên, công nhân, học sinh, sinh viên (xe ô tô chở người nội bộ) được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị không bị cấm lưu thông.

2. Ô tô chở khách theo hợp đồng, xe taxi, ô tô con được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị không bị cấm lưu thông.

3. Ô tô chở khách du lịch được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị không bị cấm lưu thông nhưng phải tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quyết định này.

4. Ô tô khách hoạt động theo tuyến cố định được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến cố định đã được công bố nhưng phải tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

5. Ô tô chở hàng hóa (bao gồm xe ô tô kinh doanh vận tải và xe ô tô chở hàng nội bộ) có khối lượng chuyên chở cho phép (xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ) được phép hoạt động trên các tuyến đường đô thị không bị cấm lưu thông; tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị của địa phương và hoạt động theo thời gian được quy định như sau:

a) Dưới 1,5 tấn được lưu thông 24/24 giờ trong ngày;

b) Từ 1,5 tấn trở lên được lưu thông ngoài giờ cao điểm (buổi sáng từ 06 giờ 00 phút đến 07 giờ 30 phút, buổi chiều từ 16 giờ 30 phút đến 18 giờ 00 phút);

6. Xe máy chuyên dùng (trừ xe máy chuyên dùng có bánh xích và các loại xe đặc chủng sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ) được phép hoạt động trên các tuyến đường trong đô thị không bị cấm lưu thông trong các khoảng thời gian ngoài giờ cao điểm (buổi sáng từ 06 giờ 00 phút đến 07 giờ 30 phút, buổi chiều từ 16 giờ 30 phút đến 18 giờ 00 phút) nhưng phải tuân thủ quy định về tổ chức giao thông của địa phương. Khi hoạt động trong công trường phải có biển báo hiệu giới hạn phạm vi công trường, phải bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và công trình đường bộ khi di chuyển.

7. Các loại xe phục vụ mục đích công cộng được phép hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị trừ quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này; trong quá trình hoạt động phải có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông.

8. Xe cứu hộ giao thông được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị.

9. Trong tình trạng khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh,... có quy định khác thì thực hiện theo các quy định đó.

Điều 8. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, xe ô tô chở khách tuyến cố định phải đầu tư các phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật có tỷ lệ phương tiện theo lộ trình quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tỷ lệ (%) phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải đăng ký tham gia khai thác tuyến xe buýt, xe ô tô chở khách tuyến cố định trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang phải đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật, theo lộ trình như sau:

a) Từ năm 2025 đến hết năm 2030 phải có ít nhất 70% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến;

b) Sau năm 2030, bảo đảm 100% phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến.

3. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt, xe ô tô chở khách tuyến cố định đăng ký để được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hoạt động sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì

100% phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến phải có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Công an tỉnh

a) Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị kinh doanh vận tải làm thủ tục cấp hoặc đổi biển số xe từ màu vàng (dành cho xe kinh doanh vận tải) sang màu trắng (dành cho xe không kinh doanh vận tải) và ngược lại;

b) Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai Quyết định này đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết, chấp hành;

c) Theo dõi việc triển khai thực hiện Quyết định này và tình hình hoạt động, những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết kịp thời.

2. Sở Giao thông vận tải

a) Thực hiện quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo thẩm quyền;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải công cộng bằng xe buýt, xe ô tô chở khách tuyến cố định xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật theo lộ trình quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định này;

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh vận tải đối với các đơn vị kinh doanh vận tải có trụ sở hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh được Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép kinh doanh vận tải.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm kinh phí để tổ chức thực hiện Quyết định này theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Quy định vị trí dừng, đỗ xe, tập kết rác thải tập trung đảm bảo thuận lợi, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị;

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thống kê danh sách các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn quản lý; tổ chức quản lý hoạt động của các chủ thể kinh doanh, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ và trật tự đô thị trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Thông báo kế hoạch phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị tới các đơn vị kinh doanh vận tải để thực hiện;

d) Tổng hợp, báo cáo việc triển khai Quyết định này tại địa phương và tình hình hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn với Sở Giao thông vận tải theo quy định và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

5. Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Báo Tuyên Quang, các cơ quan thông tin, truyền thông thông của tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, tổ chức có liên quan tăng cường tuyên

truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và Quyết định này cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh biết để thực hiện.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cơ sở dữ liệu văn bản QPPL tỉnh;
- Như Điều 10;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT, ĐTXD. (TPL)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn